

Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình thành viên các hợp tác xã nông nghiệp huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

Châu Ngọc Hòe

Nguyễn Hoàng Yến

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

Email liên hệ: chaungochoe01@gmail.com

Tóm tắt: Sử dụng các mô hình định lượng, bài viết lượng hóa các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình thành viên các hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Kết quả ước lượng chỉ ra rằng, các nhân tố bên trong như loại hình HTXNN kiểu mới, thâm niên quản lý của giám đốc, năng lực cung ứng các dịch vụ, bao tiêu sản phẩm có ảnh hưởng rất tích cực lên thu nhập hộ gia đình thành viên. Đặc biệt, kết quả ước lượng cũng chỉ ra rằng, các nhân tố công nghệ sản xuất, chính sách hỗ trợ phát triển HTX và cơ sở hạ tầng có ảnh hưởng ý nghĩa đến thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình thành viên. Kết quả nghiên cứu này cho phép chúng tôi gợi mở một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao thu nhập hộ gia đình thành viên các HTXNN trên địa bàn huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Từ khóa: thu nhập hộ gia đình, hợp tác xã, nông nghiệp, thành viên, Núi Thành

Factors affecting household income of agricultural cooperative members in Nui Thanh district, Quang Nam province

Abstract: Using the quantitative model approach, the article quantifies the factors affecting the household income of agricultural cooperative members (SOEs) in Nui Thanh district, Quang Nam province. Results show that external, internal factors and policy mechanisms have a certain influence on the household income of members in the cooperative. Internal factors such as the new type of state-owned cooperative, the director's seniority, the ability to provide services, and product consumption have a very positive impact on member households. In particular, the estimation results also show that factors of production technology, policies to support the development of cooperatives and infrastructure have a very positive influence on income from agricultural production activities of households. family members. The results of this study allow us to suggest some policy implications to improve the household income of the cooperative members in Nui Thanh district, Quang Nam province.

Keywords: household income, cooperatives, agriculture, members, Nui Thanh

Ngày nhận bài: 01/08/2020

Ngày duyệt đăng: 01/10/2020

1. Đặt vấn đề

Phát triển hợp tác xã theo Luật số 23/2012/QH13 của Quốc hội luôn được các địa phương trong cả nước quan tâm, thúc đẩy thực hiện. Trong đó, phát triển HTXNN kiểu mới là nội dung

quan trọng nhằm tái cơ cấu ngành nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập nông dân, phát triển kinh tế nông thôn. Huyện Núi Thành có 25 HTXNN, trong đó số HTXNN được thành lập mới sau 2012 là 16 HTX. Tổng số thành viên của các HTXNN trên địa bàn huyện là 4.021 thành viên, trung bình 167 thành viên/HTX. Trong đó, HTXNN có số lượng thành viên cao nhất là 1.571 và thấp nhất là 7. Tổng nguồn vốn hoạt động của các HTXNN đạt 23,1 tỷ đồng, trung bình đạt 0,96 tỷ đồng/HTX; doanh thu của các HTXNN đạt 14,8 tỷ đồng, với lợi nhuận bình quân mỗi HTXNN đạt 37,62 triệu đồng/HTX.

Thời gian qua, UBND huyện Núi Thành đã triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ nhiều chính sách nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các HTXNN, qua đó nâng cao đáng kể thu nhập cho các thành viên, góp phần phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới (UBND huyện Núi Thành, 2020). Tuy nhiên, kết quả phân loại HTX năm 2019 cũng cho thấy, chỉ có 5 HTX đạt loại khá, 6 HTX đạt loại trung bình, còn lại là yếu kém và không đủ điều kiện đánh giá do mới thành lập (UBND huyện Núi Thành, 2020). Thực tế cho thấy, nhiều HTXNN sau khi chuyển đổi sang mô hình HTX kiểu mới song vẫn hoạt động thiếu kém hiệu quả. Bài báo này tập trung lượng hóa các nhân tố ảnh hưởng thu nhập của các thành viên HTXNN huyện Núi Thành. Trên cơ sở đó, đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao thu nhập cho hộ gia đình thành viên HTXNN trên địa bàn huyện.

2. Khung phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình thành viên hợp tác xã nông nghiệp

Thu nhập hộ gia đình thành viên HTXNN là các khoản tiền hoặc hiện vật có được của các thành viên trong hộ gia đình thông qua lao động, thu nhập tài chính, thu nhập khác. Trong đó, một phần khoản tiền hoặc hiện vật mà hộ gia đình có được có liên quan đến HTXNN, bao gồm: nguồn thu nhập từ lao động trực tiếp cho HTX, thu nhập từ cổ phần đóng góp vào HTX, thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ gắn với hoạt động của HTX. Do vậy, thu nhập của hộ gia đình thành viên HTXNN chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố từ cả bên trong, bên ngoài HTX. Trên cơ sở tiếp thu các công trình nghiên cứu thực nghiệm và thực tiễn thu nhập các hộ gia đình thành viên HTXNN, chúng tôi đề xuất khung phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập các hộ gia đình thành viên HTXNN bao gồm các nhóm nhân tố sau:

Nhóm nhân tố bên ngoài HTXNN: các nhân tố thuộc về đặc điểm nhân khẩu học hộ, cơ sở hạ tầng địa phương, nghề nghiệp của các thành viên trong hộ gia đình,... có thể có ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình nói chung và thành viên HTXNN nói riêng. Châu Ngọc Hòa và cộng sự (2017, 2018, 2019) đã tìm thấy được những ảnh hưởng nhất định của đặc điểm nhân khẩu học, nghề nghiệp, cơ sở hạ tầng lên thu nhập của hộ gia đình khu vực nông thôn, miền núi, nuôi trồng thủy sản. Hoàng Hồng Hiệp và cộng sự (2016) cũng đã tìm thấy được ảnh hưởng của nhân tố đặc điểm nhân khẩu học, nghề nghiệp, cơ sở hạ tầng lên thu nhập của hộ gia đình khai thác thủy sản. Hoken & Su (2015) cũng tìm thấy những ảnh hưởng nhất định của nhân khẩu học đối với thu nhập hộ gia đình thành viên của các HTXNN sản xuất lúa gạo.

Nhóm các nhân tố bên trong của HTXNN: thu nhập hộ gia đình thành viên HTXNN có được từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó có nguồn lợi nhuận từ cổ phần đóng góp, từ hoạt

động sản xuất nông nghiệp gắn với HTX, từ làm việc thường xuyên cho HTX. Do vậy, các nhân tố thuộc về đặc trưng của HTXNN có thể ảnh hưởng ý nghĩa lên thu nhập của hộ gia đình thành viên. Theo đó, các nhân tố về cơ phần đóng góp, quy mô, công nghệ, thị trường, nguồn nhân lực, thể chế nội bộ,... của HTXNN có thể ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình thành viên. Hoken và Su (2015) tìm thấy rằng, không có sự khác biệt lớn về thu nhập giữa các hộ gia đình là thành viên và không phải thành viên của HTX. Liu và cộng sự (2019) đã quan tâm đến các nhân tố bên trong của HTX như quy mô, thị trường, thông tin, tín dụng,... và tìm thấy những ảnh hưởng nhất định của các nhân tố này đến thu nhập của HTX và thu nhập của thành viên HTX.

Nhóm nhân tố thuộc về cơ chế chính sách: các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã, chính sách nông nghiệp được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả có thể góp phần cải thiện hiệu quả phát triển của HTXNN, qua đó cải thiện thu nhập cho hộ gia đình thành viên. Các chính sách hỗ trợ phát triển HTX nói chung và HTXNN nói riêng, hiện nay được triển khai mạnh mẽ, trên nhiều phương diện từ đất đai, thị trường, đào tạo, tín dụng, ưu đãi thuế,... nhằm thúc đẩy các HTXNN phát triển, qua đó tạo cơ hội nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình thành viên. Van Bekkum (2001), Cook & Iliopoulos (2000), Ortmann & King (2007), Morfi và cộng sự (2015),... cũng đã tìm thấy những ảnh hưởng nhất định của cơ chế chính sách đối với sự phát triển của HTXNN, thu nhập của hộ gia đình thành viên HTX.

3. Mô hình nghiên cứu, mô tả và dữ liệu nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu và mô tả dữ liệu nghiên cứu

Dựa trên khung phân tích được đề xuất, chúng tôi xây dựng mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình thành viên HTXNN huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam như sau:

$$Y_i = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \varepsilon_i \quad (1-1)$$

Trong đó:

Y_i : Biến phụ thuộc, được đo lường bởi 3 biến số:

Ln.TNNN: Logarit thu nhập từ sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình;

Ln.TNHTX: Thu nhập từ nguồn HTXNN (bao gồm: tiền lương làm việc cho HTXNN, lợi nhuận trên cổ phần đóng góp cho HTXNN);

Ln.TongTN: Tổng thu nhập của hộ gia đình thành viên HTXNN

Các biến độc lập:

X_1 : Nhóm nhân tố bên ngoài HTXNN

X_2 : Nhóm nhân tố bên trong của HTXNN

X_3 : Nhóm nhân tố thuộc về cơ chế chính sách

ε_i : Phần dư của mô hình nghiên cứu

$i = 1, 2, \dots, 100$

Theo mô hình nghiên cứu được đề xuất, chúng tôi mô tả và đo lường các biến, cũng như kỳ vọng kết quả ước lượng của mô hình theo bảng 1.

Bảng 1: Mô tả và đo lường các biến trong mô hình nghiên cứu

TT	Các biến	Diễn giải biến	Ký hiệu biến	Thang đo	Kỳ vọng
1	Biến phụ thuộc (Y)	Logarit Thu nhập từ sản xuất nông nghiệp	Ln.TNNN	Triệu đồng	
		Logarit Thu nhập từ HTXNN	Ln.TNHTX	Triệu đồng	
		Logarit Tổng thu nhập	Ln.TongTN	Triệu đồng	
2	Nhóm nhân tố bên ngoài HTXNN (X_1)	Số nhân khẩu	NK	Người	+/-
		Số nhân khẩu phụ thuộc	Phuthuoc	Người	+
		Trình độ học vấn chủ hộ	HV	Số năm đi học	+/-
		Độ tuổi chủ hộ	Dotuoi	Số tuổi	+/-
		Thu nhập phi HTX	TNPHTX	1: Có; 0: Không	+/-
		Cơ sở hạ tầng địa phương (đường giao thông, điện nước, giáo dục, y tế)	CSHT	Likert (5 bậc) Cronbach's Alpha: 0,807 N: 3	+/-
3	Nhóm nhân tố bên trong HTXNN (X_2)	Diện tích đất sản xuất NN	DTich	Sào (500m ²)	+
		HTX thành lập sau 2012	Kmoi	1: có; 0: không	+/-
		Là cán bộ HTXNN	CBHTX	1: có; 0: không	+/-
		Chất lượng dịch vụ của HTXNN (làm đất, vật tư, kỹ thuật, thu hoạch, thủy lợi, tín dụng, bảo quản, chế biến, bao tiêu, bảo vệ thực vật, môi trường, thú y)	CLDV	Likert (5 bậc) Cronbach's Alpha: 0,815; N: 10	+
		Trình độ của GD	TDGD	Số năm đi học	+/-
		Thâm niên quản lý của giám đốc	TDQLGD	Số năm làm quản lý	+/-
		Công nghệ sản xuất của HTXNN (Quy trình sản xuất, máy móc thiết bị, kỹ thuật sản xuất)	Congnghe	Likert (5 bậc) Cronbach's Alpha: 0,816; N: 3	+
		Năng lực cung ứng sản phẩm, dịch vụ của HTXNN	NLCU	Likert (5 bậc) Cronbach's Alpha: 0,887; N: 7	+
		Bao tiêu sản phẩm cho thành viên HTXNN	Baotieu	1: có; 0: không	+
		Cổ phần đóng góp của hộ gia đình thành viên	GopCP	Triệu đồng	+
4	Nhóm nhân tố thuộc về cơ chế chính sách (X_3)	Chính sách phát triển nông nghiệp (chính sách khuyến nông, vai trò của cán bộ nông nghiệp địa phương)	CSNN	Likert (5 bậc) Cronbach's Alpha: 0,720; N: 2	+

		Chính sách hỗ trợ liên quan đến HTXNN (đất đai, tài chính, đào tạo, cơ sở hạ tầng, xây dựng thương hiệu, công nghệ, máy móc thiết bị, bảo quản, tiêu thụ)	CSHTX	Likert (5 bậc) Cronbach's Alpha: 0,883; N: 10	+
--	--	---	-------	--	---

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua điều tra bằng bảng hỏi đối với 100 hộ gia đình là thành viên của các HTXNN trên địa bàn huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam trong năm 2020. Trong đó, có 50 bảng trả lời được thu thập từ các hộ gia đình thành viên của 09/18 HTXNN kiểu mới (thành lập sau 2012) và 50 bảng trả lời được thu thập từ các hộ gia đình thành viên của 04/07 HTXNN kiểu cũ đã chuyển đổi (thành lập trước 2012, đã chuyển đổi theo luật HTX 2012); có 43 hộ gia đình có thành viên là cán bộ HTX, và 57 hộ gia đình có thành viên không phải là cán bộ HTX.

4. Phương pháp nghiên cứu và kết quả ước lượng

4.1. Phương pháp nghiên cứu

Trước tiên, chúng tôi thực hiện kiểm định khuếch đại phương sai (variance inflation factors/VIF). Kết quả kiểm định cho thấy, các giá trị trung bình VIF trong mô hình đều nhỏ hơn 5 (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Điều này, cho phép chúng tôi kết luận không tồn tại hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến giải thích trong mô hình nghiên cứu điều chỉnh. Sau đó, kiểm định Breusch-Godfrey được thực hiện cho kết quả đều thỏa mãn điều kiện $\text{Prob} > 0,05$; điều này cho thấy, trong mô hình không có hiện tượng tự tương quan giữa các biến giải thích. Tiếp theo, kiểm định Glejser được thực hiện với kết quả đều thỏa mãn điều kiện $\text{Prob} > 0,05$; điều này cho thấy trong mô hình nghiên cứu không có hiện tượng phương sai sai số thay đổi. Cuối cùng, thực hiện kiểm định Ramsey RESET để kiểm tra độ phù hợp của mô hình, kết quả mô hình đảm bảo độ tin cậy và không thiếu biến các giải thích quan trọng. Trên cơ sở các kết quả kiểm định về mức độ phù hợp của mô hình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy đa biến để ước lượng các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình thành viên HTXNN huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam và kết quả ước lượng được trình bày tại bảng 2.

4.2. Phân tích kết quả ước lượng

- Nhóm nhân tố bên ngoài HTXNN.

Kết quả ước lượng chỉ ra rằng, các nhân tố bên ngoài có ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ gia đình thành viên HTXNN. Trong đó, nhân tố số nhân khẩu có ảnh hưởng ý nghĩa đến tổng thu nhập của hộ gia đình và mang dấu dương (+), nhưng không ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình từ sản xuất nông nghiệp và từ nguồn hợp tác xã. Điều này được lý giải rằng, các hộ gia đình có số nhân khẩu là lao động nhiều hơn thì có thu nhập cao hơn. Trong khi đó, số nhân khẩu phụ thuộc lại có tác động đến thu nhập nông nghiệp của hộ và mang dấu dương (+), nhưng không có ảnh hưởng đến tổng thu nhập của hộ gia đình. Điều này hàm ý rằng, các hộ gia đình thành viên có nhiều thành viên phụ thuộc có thể tham gia và tạo thu nhập từ hoạt động nông nghiệp, song không tạo sự khác biệt trong tổng thu nhập hộ. Độ tuổi của chủ hộ cũng có ảnh hưởng đến tổng thu nhập của hộ gia đình thành viên HTXNN

và mang dấu âm (-). Điều này hàm ý rằng, độ tuổi của chủ hộ gia đình thành viên càng cao thì tổng thu nhập hộ thấp hơn một cách tương đối so với các hộ gia đình khác. Đây cũng là vấn đề thực tiễn phát triển ở khu vực nông thôn nói chung, rằng thông thường những người lớn tuổi thì cơ hội tìm kiếm việc làm, tạo thu nhập thấp hơn những người trẻ tuổi. Đặc biệt, trong bối cảnh công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn huyện Núi Thành có sự phát triển mạnh mẽ, những người trẻ có cơ hội tiếp cận việc làm phi nông nghiệp để gia tăng thu nhập hộ. Những lao động lớn tuổi vẫn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và cho thu nhập thấp hơn hoạt động phi nông nghiệp. Kết quả ước lượng cũng chỉ ra rằng, nhân tố cơ sở hạ tầng địa phương có ảnh hưởng tích cực đến thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp ở mức ý nghĩa 5%, nhưng không có ảnh hưởng ý nghĩa lên thu nhập từ nguồn HTX và tổng thu nhập của hộ gia đình thành viên. Điều này hàm ý rằng, các khu vực có cơ sở hạ tầng tốt hơn thì hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình dễ dàng đạt hiệu quả cao hơn, qua đó tạo ra thu nhập cao hơn. Ngoài ra, nhân tố thu nhập không từ HTX được đưa vào mô hình để kiểm soát những đóng góp trong tổng thu nhập của hộ gia đình. Kết quả cho thấy, nhân tố này tác động rất tích cực đến tổng thu nhập của hộ gia đình thành viên HTX. Hay nói cách khác, thu nhập của hộ gia đình thành viên HTXNN của huyện Núi Thành có vai trò rất lớn từ hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Ngược lại, kết quả ước lượng cũng chỉ ra rằng, trình độ học vấn của chủ hộ không có ảnh hưởng ý nghĩa lên thu nhập của hộ gia đình thành viên HTXNN, bao gồm cả thu nhập từ nông nghiệp, từ HTXNN. Điều này được lý giải rằng, trình độ học vấn của các chủ hộ là không có nhiều sự khác biệt trong việc đóng góp vào thu nhập hộ gia đình thành viên, mà thu nhập của hộ gia đình thành viên chịu ảnh hưởng chính từ nhiều nhân tố khác. Kết quả điều tra cũng cho thấy, trình độ học vấn của chủ hộ chủ yếu là trung học phổ thông (chiếm 70% mẫu điều tra).

- Nhóm nhân tố bên trong HTXNN.

Không như kỳ vọng, diện tích đất sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình thành viên HTXNN không có ảnh hưởng ý nghĩa lên thu nhập từ sản xuất nông nghiệp (mô hình 1), từ HTX (mô hình 2) và có ảnh hưởng mang dấu âm trong tổng thu nhập (mô hình 3). Điều này được giải thích rằng, các hộ gia đình thành viên có quy mô diện tích sản xuất nông nghiệp lớn hơn thì có tổng thu nhập thấp hơn một cách tương đối so với các hộ gia đình còn lại. Kết quả này phần nào phản ánh được thực trạng rằng, việc hộ gia đình tập trung vào hoạt động sản xuất nông nghiệp sẽ có tổng thu nhập thấp hơn so với việc đa dạng hóa thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp.

Như kỳ vọng, các hộ gia đình thành viên của các HTXNN được thành lập sau năm 2012 (luật HTX 2012) có thu nhập cao hơn so với của các HTXNN chuyển đổi. Đồng thời, kết quả ước lượng ở mô hình 2 cũng cho thấy ảnh hưởng tích cực của nhân tố này đối với thu nhập hộ gia đình thành viên từ nguồn HTXNN. Điều này cho thấy rằng, các HTXNN được thành lập sau năm 2012 cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Nhân tố thành viên là cán bộ của HTX cũng có ảnh hưởng ý nghĩa lên thu nhập của hộ gia đình. Tức là những hộ gia đình có thành viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý, điều hành HTXNN thì có thu nhập cao hơn một cách tương đối so với những hộ gia đình còn lại. Yếu tố thâm niên quản lý của giám đốc HTXNN cũng có ảnh hưởng tích cực lên thu nhập của hộ gia đình thành viên, tuy nhiên lại không ảnh hưởng đến thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình (mô hình 1). Điều này hàm ý rằng, thu nhập của hộ gia đình có thể cải thiện khi giám đốc HTXNN có thâm niên quản lý lâu năm hơn. Theo

đó, nguồn đóng góp vào tổng thu nhập của hộ gia đình thành viên được cải thiện thông qua lợi nhuận được phân phối theo cổ phần đóng góp và các khoản thu nhập thường xuyên từ việc công tác tại HTX.

Kết quả ước lượng cho thấy, các nhân tố năng lực cung ứng dịch vụ và bao tiêu sản phẩm đều ảnh hưởng ý nghĩa (ở mức ý nghĩa 5%) đến thu nhập từ các nguồn sản xuất nông nghiệp, HTXNN (mô hình 1 & 2), qua đó đóng góp tích cực lên tổng thu nhập của hộ gia đình thành viên (mô hình 3). Kết quả này phản ánh thực trạng rằng, các HTXNN làm tốt công tác bao tiêu sản phẩm cho thành viên sẽ góp phần quan trọng trong nâng cao thu nhập, qua đó nâng cao vai trò xã hội, vai trò đối với cộng đồng. HTXNN thực hiện tốt công tác bao tiêu sản phẩm sẽ giúp ổn định được giá bán sản phẩm, định hướng phát triển sản xuất tốt cho các hộ thành viên và góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất. Ngoài ra, năng lực cung ứng dịch vụ của HTXNN có đóng góp quan trọng cho nâng cao thu nhập của thành viên. Điều này phù hợp với thực tiễn phát triển sản xuất của các HTXNN trên địa bàn huyện Núi Thành. Đó là, khi các hộ gia đình thành viên có nhu cầu được cung cấp các dịch vụ và được HTXNN đáp ứng kịp thời, đa dạng với chất lượng tốt, thì sẽ có cơ hội tạo ra thu nhập cao hơn. Điều này cũng đồng nghĩa với việc các HTXNN cung cấp đa dạng các dịch vụ sẽ góp phần cải thiện hiệu quả sản xuất, cải thiện thu nhập cho các hộ gia đình thành viên.

Không như kỳ vọng, nhân tố về chất lượng dịch vụ mà HTXNN đang cung cấp không có ảnh hưởng ý nghĩa lên thu nhập của hộ gia đình thành viên. Nguyên nhân là do, hiện nay các HTXNN kiểu cũ chuyển đổi thì cung cấp số lượng dịch vụ hạn chế, chủ yếu là các dịch vụ sản xuất nông nghiệp cơ bản như thủy lợi, làm đất, thu hoạch, vật tư nông nghiệp,... Các dịch vụ này được các HTXNN cung cấp có chất lượng, giá cả khá tương đồng nên chưa tạo ra sự khác biệt trong việc cải thiện thu nhập. Trong khi đó, các HTXNN kiểu mới thành lập thường định hướng phát triển sản xuất theo một số lĩnh vực nhất định và các dịch vụ cung cấp không đa dạng. Do đó, chất lượng dịch vụ của HTXNN không có ảnh hưởng đáng kể lên thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và tổng thu nhập của hộ gia đình thành viên. Thậm chí, kết quả ước lượng cũng chỉ ra, các HTXNN cung cấp dịch vụ tốt hơn có thể làm giảm thu nhập từ nguồn HTX đối với hộ gia đình thành viên (mô hình 2). Điều này được lý giải là, để nâng cao chất lượng dịch vụ đòi hỏi HTXNN phải tăng đầu tư và giảm tỷ lệ lợi nhuận được phân phối cho các hộ gia đình thành viên.

Kết quả ước lượng chỉ ra rằng, công nghệ sản xuất của HTXNN chỉ có ảnh hưởng ý nghĩa đến thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (mô hình 1) của hộ gia đình thành viên, nhưng không ảnh hưởng ý nghĩa đến tổng thu nhập (mô hình 3). Điều này hàm ý rằng, các HTXNN áp dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp cho hộ gia đình thành viên, qua đó thể hiện vai trò đóng góp cho cộng đồng của HTX. Tuy nhiên, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình thành viên chưa phải là nguồn thu nhập quyết định trong cấu thành thu nhập hộ nên nhân tố này không ảnh hưởng ý nghĩa lên tổng thu nhập (mô hình 3).

- Nhóm nhân tố thuộc về cơ chế chính sách.

Kết quả ước lượng chỉ ra rằng, các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế HTX có ảnh hưởng tích cực đến thu nhập từ sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình thành viên (mô hình 1). Điều này phản ánh được hiệu quả của các chính sách này trong hỗ trợ cho các HTXNN phát triển,

góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, nông thôn. Trong những năm qua, tỉnh Quảng Nam nói chung và huyện Núi Thành nói riêng, đã triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác, HTX. Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ không có ảnh hưởng ý nghĩa đến thu nhập từ nguồn HTXNN và tổng thu nhập của hộ gia đình thành viên. Điều này được lý giải rằng, cấu thành tổng thu nhập của hộ gia đình thành viên HTX của huyện Núi Thành không chủ yếu từ nguồn sản xuất nông nghiệp mà chủ yếu vẫn là lĩnh vực phi nông nghiệp. Bên cạnh đó, số tiền được phân phối từ nguồn lợi nhuận của HTX trên cơ sở cổ phần đóng góp là không nhiều, nên cơ chế chính sách chưa có ảnh hưởng ý nghĩa lên tổng thu nhập của hộ gia đình thành viên (mô hình 2 & 3).

Ngược lại, kết quả ước lượng chỉ ra rằng chính sách khuyến nông và vai trò của cán bộ nông nghiệp cơ sở không có ảnh hưởng ý nghĩa lên thu nhập của hộ gia đình thành viên HTX. Hay nói cách khác vai trò của chính sách khuyến nông, cán bộ nông nghiệp cơ sở còn mờ nhạt trong việc cải thiện thu nhập cho hộ gia đình thành viên HTX. Điều này cũng phù hợp với thực tiễn phát triển sản xuất đối với các hộ gia đình là thành viên HTX. Bởi các thành viên thường sản xuất theo quy trình kỹ thuật, theo các loại giống cây trồng, vật nuôi của HTX. Do đó, trong triển khai thực hiện sản xuất, các hộ thành viên thường theo hỗ trợ kỹ thuật của HTXNN hơn là theo các hướng dẫn khuyến nông địa phương.

Bảng 2: Kết quả ước lượng các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình thành viên hợp tác xã nông nghiệp huyện Núi Thành

Mô hình	(1) Ln.TNNN	(2) Ln.TNHTX	(3) Ln.TongTN	VIF
Tên biến	β_j (Prob)	β_j (Prob)	β_j (Prob)	
NK	-0,1225 (0,226)	-0,1469 (0,151)	0,3380 (0,003) ***	1,454
Phuthuoc	0,2285 (0,025) *	0,0058 (0,953)	-0,1303 (0,244)	1,460
HV	-0,043 (0,602)	-0,0402 (0,672)	-0,098 (0,224)	1,353
Dotuoi	-0,0123 (0,883)	-0,1397 (0,151)	-0,1651 (0,048) **	1,264
CSHT	0,1665 (0,037) **	-0,0085 (0,923)	0,0040 (0,599)	1,262
TNPHTX	-	-	0,2868 (0,001) ***	1,381
Dtich	0,1010 (0,178)	-0,1076 (0,190)	-0,1239 (0,087) *	1,147
Kmoi	0,0228 (0,792)	0,5266 (0,000) ***	0,1758 (0,038) **	1,484
CBHTX	0,0868 (0,291)	0,3677 (0,002) ***	0,2271 (0,006) ***	1,282
CLDV1	-0,0296 (0,731)	-0,0091 (0,337)	0,0035 (0,671)	1,384
CLDV2	0,0515 (0,585)	-0,0228 (0,023) **	-0,1201 (0,190)	1,725
TDGD	-0,0252 (0,744)	0,0557 (0,497)	-0,0210 (0,780)	1,142
TNQLGD	0,1162 (0,142)	0,2122 (0,022) **	0,1515 (0,048) **	1,243
Congnghe	0,2139 (0,013) **	0,0379 (0,663)	0,0579 (0,481)	1,320
NLCU	0,1909 (0,030) **	0,4581 (0,000) ***	0,3033 (0,000) ***	1,457
Baotieu	0,4496 (0,000) ***	0,2903 (0,004) ***	0,3153 (0,000) ***	1,529
CSNN	0,0006 (0,995)	-0,0921 (0,377)	-0,0482 (0,636)	2,094
CSHTX	0,1627 (0,069) *	-0,7060 (0,441)	-0,0803 (0,351)	1,503
Hằng số	3,5315	3,980	5,168	
N	100	100	100	

R ²	0,5246 (000) ***	0,6350 (000) ***	0,5611 (000) ***	
Breusch-Godfrey: Prob	0,6976 > 0,05	0,6560 > 0,05	0,4466 > 0,05	
Ramsey reset: Prob	0,3689 > 0,05	0,1752 > 0,05	0,7135 > 0,05	
H,Test: Glejser Prob	0,5056 > 0,05	0,2996 > 0,05	0,7104 > 0,05	

Ghi chú: Giá trị Prob được mô tả trong dấu ngoặc đơn. * Prob < 0,1; ** Prob < 0,05; *** Prob < 0,01

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Sử dụng mô hình định lượng, bài báo này nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của gia đình thành viên HTXNN huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Theo đó, các nhân tố số nhân khẩu, độ tuổi của chủ hộ, thu nhập ngoài nông nghiệp, diện tích đất sản xuất, HTXNN kiểu mới, cán bộ HTX, thâm niên quản lý của giám đốc, năng lực cung ứng dịch vụ, bao tiêu sản phẩm của HTXNN có ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình thành viên. Trong khi đó, các nhân tố cơ sở hạ tầng, công nghệ, các chính sách hỗ trợ phát triển HTX chỉ có ảnh hưởng đến thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình thành viên. Ngược lại, các nhân tố thuộc về số nhân khẩu phụ thuộc, học vấn của chủ hộ, chất lượng dịch vụ của HTXNN, trình độ học vấn của giám đốc HTX, chính sách phát triển nông nghiệp không có ảnh hưởng ý nghĩa lên thu nhập hộ gia đình thành viên. Từ kết quả ước lượng trên, bài báo đề xuất một số hàm ý chính sách phát triển HTXNN nhằm góp phần nâng cao thu nhập cho hộ gia đình thành viên như sau:

Thứ nhất, nâng cao năng lực cung ứng các dịch vụ của HTXNN cho thành viên. Đặc biệt, các HTXNN kiểu cũ chuyển đổi cần chú trọng hơn nữa phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ, các dịch vụ mới để phục vụ tốt hơn nhu cầu của thành viên. Đồng thời, đi kèm với mở rộng các dịch vụ là từng bước nâng cao chất lượng các dịch vụ, giảm giá thành các dịch vụ để giảm chi phí sản xuất cho các thành viên HTX. Các HTXNN kiểu mới cần từng bước phát triển thêm các định hướng sản xuất mới, gắn với các dịch vụ mới và hướng đến phát triển các dịch vụ phục vụ cộng đồng.

Thứ hai, các HTXNN tăng cường liên kết sản xuất và tiêu thụ, mở rộng thị trường, phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị. Thực hiện tốt các yếu tố này sẽ mở ra cơ hội lớn hơn trong việc bao tiêu sản phẩm cho thành viên, qua đó ổn định được giá nông sản cho thành viên, qua đó cải thiện thu nhập cho các hộ gia đình thành viên. Trong đó, các HTXNN kiểu mới cần từng bước đẩy mạnh hơn nữa liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm không chỉ cho thành viên mà còn hướng đến phục vụ cộng đồng địa phương.

Thứ ba, tiếp tục phát triển các HTXNN kiểu mới, chuyển đổi mạnh mẽ, thực chất hơn nữa các HTXNN kiểu cũ trên địa bàn huyện Núi Thành. Các HTXNN kiểu cũ cần nhanh chóng cơ cấu lại thành viên theo hướng tinh gọn hơn, chú trọng những thành viên tích cực. Thực hiện tốt nhiệm vụ này sẽ tạo ra cơ hội nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình thành viên HTX. Tạo điều kiện hỗ trợ tốt hơn để các HTXNN kiểu mới được thành lập gắn với những lợi thế phát triển sản xuất nông nghiệp, các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh trên địa bàn huyện.

Thứ tư, các HTXNN tăng cường đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, quy trình sản xuất, máy móc thiết bị sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, qua đó cải thiện thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp cho các hộ gia đình thành viên. Theo đó, các HTXNN tăng cường đầu tư máy móc, thiết bị đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ sản xuất, cung cấp dịch vụ cho thành viên; từng bước ứng dụng các công nghệ mới trong sản

xuất nông nghiệp vào sản xuất của HTX, nhất là giống mới, quy trình sản xuất, mô hình sản xuất mới.

Thứ năm, các cơ quan quản lý địa phương tiếp tục triển khai thực hiện tốt hơn nữa các chính sách hỗ trợ phát triển HTXNN, đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn. Nhất là thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ tài chính, đất đai, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho các HTXNN. Thực hiện tốt nhiệm vụ này sẽ thúc đẩy các HTXNN phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất, qua đó góp phần cải thiện thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp cho các hộ gia đình thành viên.

Tài liệu tham khảo

Châu Ngọc Hòe, Hồ Thị Kim Thùy. (2018). Nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình nông thôn ven biển huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung.

Châu Ngọc Hòe, Nguyễn Hoàng Yến. (2019). Nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình nuôi trồng thủy sản ven biển huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung.

Châu Ngọc Hòe. (2017). Nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình miền núi huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung.

Cook, M. L., & Iliopoulos, C. (2000). Ill-defined property rights in collective action: the case of US agricultural cooperatives. *Chapters*.

Hoàng Hồng Hiệp (2016). “Nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ ngư dân khai thác hải sản xa bờ vùng Duyên hải Nam Trung Bộ: một tiếp cận thực nghiệm”. Hội thảo khoa học *Phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ*, Tháng 6/2016.

Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Nxb Hồng Đức.

Hoken, H., & Su, Q. (2015). *Measuring the effect of agricultural cooperatives on household income using PSM-DID: a case study of a rice-producing cooperative in China* (No. 539). Institute of Developing Economies, Japan External Trade Organization (JETRO).

Liu, Y., Ma, W., Renwick, A., & Fu, X. (2019). The role of agricultural cooperatives in serving as a marketing channel: evidence from low-income regions of Sichuan province in China.

Morfi, C., Ollila, P., Nilsson, J., Feng, L., & Karantininis, K. (2015). Motivation behind members' loyalty to agricultural cooperatives. In *Interfirm Networks* (pp. 190-173). Springer, Cham.

Ojiagu, N. C., & Onugu, C. Uchenna. (2015). Effects of membership of cooperative organizations and determinants on farmer-members' income in rural Anambra State, Nigeria. *International Journal of Scientific & Technology Research*, 4(8), 28-35.

Ortmann, G. F., & King, R. P. (2007). Agricultural cooperatives I: History, theory and problems. *Agrekon*, 46(1), 18-46.

UBND huyện Núi Thành. (2020). Công tác quản lý nhà nước, tình hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Báo cáo số 12/BC-NN&PTNT.

Van Bekkum, O. F. (2001). *Cooperative models and farm policy reform: Exploring patterns in structure-strategy matches of dairy cooperatives in regulated vs. liberalized markets*. Uitgeverij Van Gorcum.